

Số: *263* /BC-ĐCM

Quảng Ninh, ngày *04* tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV
NĂM 2019**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701436805 đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 01/12/2018.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn*).
- Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (020) 33715 066
- Fax: (020) 33715 067
- Website: www.minegeology.vn
- Mã cổ phiếu: **MGC**

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Quá trình hình thành

Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV tiền thân là Đoàn Thăm dò 9. Công ty được thành lập theo quyết định số 223/ĐC ngày 01/09/1958 của Sở Địa chất – Bộ Công nghiệp.

Theo văn bản số 3132/CN ngày 07/11/1964 của Thủ tướng Chính phủ cho phép Tổng cục Địa chất nâng cấp Đoàn Thăm dò 9 thành Liên đoàn Địa chất 9 với các Đoàn Thăm dò trực thuộc. Liên chi đoàn Địa chất 9 tiếp nhận các Đoàn địa chất làm nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và vật liệu xây dựng của Liên đoàn 2 theo quyết định số 346/QĐ – TC ngày 11/12/1973 của Tổng cục Địa chất. Tại Quyết định số 357/QĐ-TC ngày 11/12/1975 của Tổng cục Địa chất, liên đoàn Địa chất 9 tiếp nhận Đoàn Địa chất 21 làm nhiệm vụ tìm kiếm – thăm dò khoáng sản phi kim loại và vật liệu xây dựng.

Tại Quyết định số 373/QĐ-TC ngày 31/10/1977 của Tổng cục Địa chất, Liên đoàn Địa chất 9 trở thành Liên đoàn địa chất khu vực với nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản trên lãnh thổ Đông Bắc Việt Nam.

Sau khi giải thể Tổng cục Địa chất, Chính phủ đã ra Nghị định số 30/HĐBT ngày 30/04/1990 v/v thành lập Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam – trực thuộc Bộ công nghiệp nặng. Với chủ trương sản xuất kinh doanh than từ khâu đầu đến khâu cuối, Bộ Công nghiệp nặng đã bàn giao Liên đoàn Địa chất 9 cho Bộ Năng lượng (Quyết định số 03/CNNg-TC ngày 13/11/1991 của Bộ Công nghiệp nặng), đồng thời điều chuyển Đoàn 913 và Đoàn 911 về trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản.

Trong những năm của thập kỉ 80 (thế kỉ 20) ngoài công tác tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản khác vùng Đông Bắc, Liên đoàn Địa chất 9 với tinh thần phát huy nội lực, giữ vững lực lượng, đa dạng hóa sản phẩm đã tổ chức khai thác, chế biến than và khoáng sản khác. Vì vậy, Bộ Năng lượng đã chính thức giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh than cho Liên đoàn Địa chất 9 và đổi tên thành Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản (Quyết định số 609/NL-TCCBLĐ ngày 13/12/1991 của Bộ Năng lượng). Theo đó, các Đoàn địa chất được đổi tên thành Xí nghiệp trực thuộc Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản.

Ngày 10/10/1994 Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 563/TTg thành lập Tổng công ty Than Việt Nam. Thực hiện quyết định trên, từ ngày 01/01/1995 công ty Địa chất & KTKS chính thức là đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam.

Để thống nhất quản lí công tác thăm dò địa chất trong ngành than, Tổng công ty Than Việt Nam đã điều chuyển Xí nghiệp Thăm dò Khảo sát 4 từ Công ty Than Cẩm Phả (Quyết định số 296/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) và Xí nghiệp Thăm dò khai thác than từ Công ty Than Hòn Gai (Quyết định số 265/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) về trực thuộc Công ty Địa chất & KTKS; Chuyển Xí nghiệp 917 từ Công ty Địa chất & KTKS về Công ty Than Hòn Gai (Số 2811/TVN-TCCB ngày 23/07/1997).

Trên cơ sở Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 03/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Tổng công ty Than Việt Nam giai đoạn 2003-2005, Tổng công ty Than Việt Nam ra quyết định số 616/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2003 với nội dung: Tách phần địa chất của Công ty Địa chất & KTKS để thành lập mới Công ty Địa chất Mở trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam kể từ ngày 01/05/2003 với các đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Địa chất Cẩm Phả, Xí nghiệp Địa chất Đông Triều, Xí nghiệp Trắc địa bản đồ, Xí nghiệp Dịch vụ DLĐC.

Ngày 28/09/2010, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ra quyết định số 2322/QĐ-HĐTV v/v phê duyệt đề án và chuyển Công ty Địa chất Mở - TKV thành Công ty TNHH MTV Địa chất Mở - TKV.

Ngày 08/04/2014, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ra quyết định số 731/QĐ-TKV v/v phê duyệt Phương án Tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV. Theo đó từ ngày 01/05/2014 chấm dứt hoạt động của các Xí nghiệp: Địa chất Cẩm Phả, Trắc địa bản đồ, Dịch vụ DLĐC, giữ nguyên mô hình hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều.

b) Chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 07/02/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 314/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 28 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã có quyết định số 119/QĐ-TKV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 17/8/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 1623/QĐ-HĐTV về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV (Thời điểm 0h ngày 01/04/2015).

Ngày 06/10/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 1987/QĐ-TKV về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV thành công ty cổ phần.

Ngày 01/01/2016, Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 108 tỷ đồng

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

+ Điều tra cơ bản, thăm dò địa chất than và các tài nguyên khoáng sản khác, thăm dò trong quá trình khai thác mỏ, địa chất khai thác mỏ, địa chất công trình, địa chất thủy văn.

+ Khảo sát, đo đạc địa hình bề mặt, đo đạc chuyên ngành mỏ lộ thiên và hầm lò, Đo địa vật lý Carota.

+ Dịch vụ địa chất trắc địa: Lập phương án thăm dò, phương án thi công các công trình địa chất, lập báo cáo địa chất, lập bản đồ các loại, nghiên cứu khoa học công nghệ.

+ Khảo sát, xử lý địa chất công trình, địa chất thủy văn các công trình xây dựng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi.

+ Dịch vụ: Khoa học công nghệ, tin học, in ấn, liên kết xuất bản, tắm khoáng nóng, xoa bóp ...

- Địa bàn hoạt động chính: Tại tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;

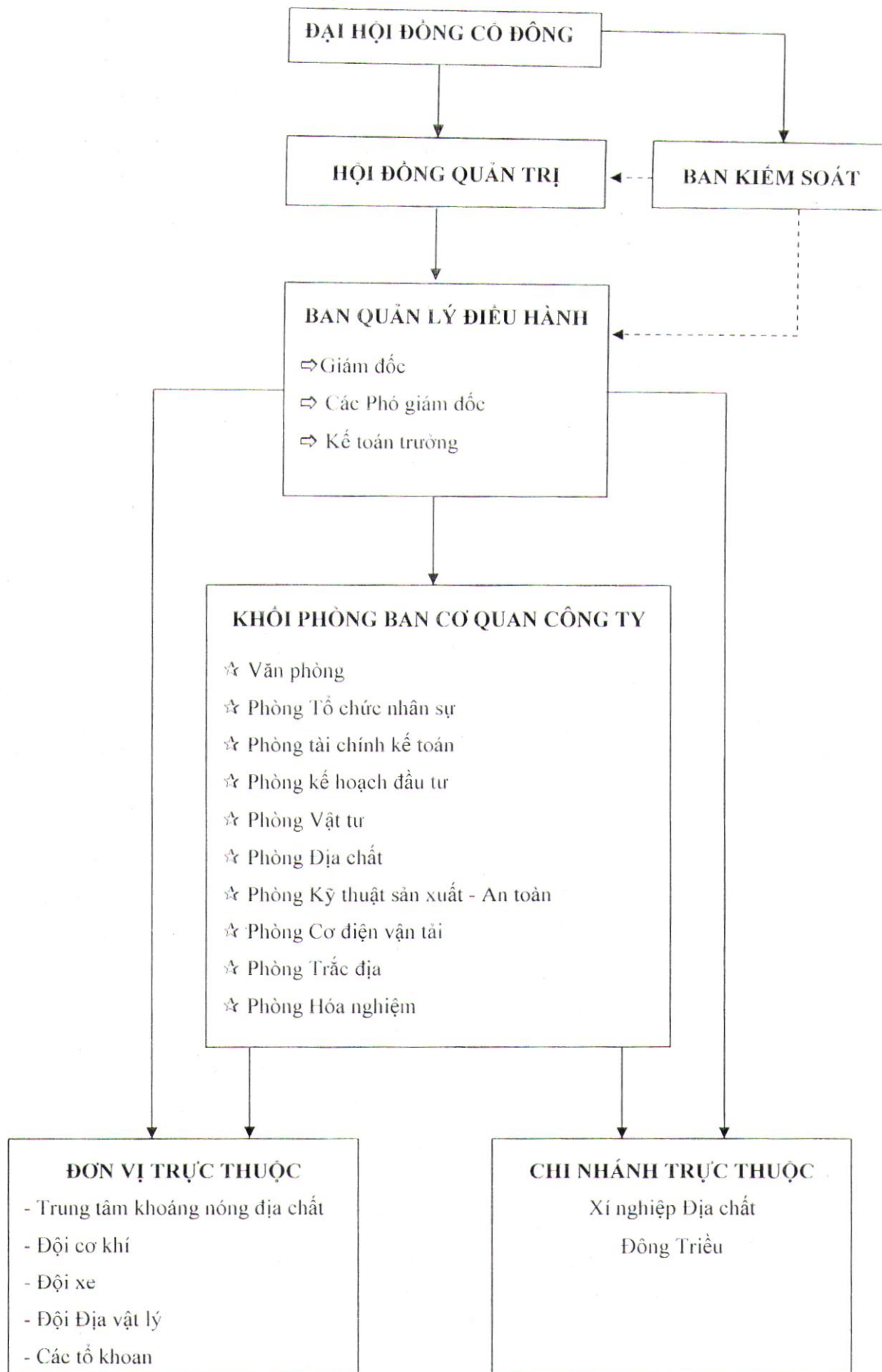
+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên;

+ Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);

+ Ban Giám đốc gồm có: 01 Giám đốc điều hành, 03 Phó Giám đốc;

+ Kế toán trưởng: 01 người;

+ Các phòng ban, đơn vị trực thuộc và Chi nhánh: Gồm 10 phòng; 03 Đội trực thuộc; Trung tâm Khoáng nóng địa chất; 17 tổ khoan thuộc Công ty và 01 chi nhánh Xi nghiệp Địa chất Đông Triều theo mô hình sau:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không

5. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong năm 2019, Công ty tiếp tục điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV trở thành Công ty đứng hàng đầu trong Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam về lĩnh vực thăm dò, khảo sát địa chất, đo đạc trắc địa bản đồ.

+ Nghiên cứu lựa chọn công nghệ khoan phù hợp với từng địa tầng, từng vùng và kết cấu của đất đá.

+ Duy trì sản xuất ổn định và mở rộng sản xuất khoan trong lò để tháo nước, tháo khí cho các Công ty than.

6. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

- Công ty là đơn vị làm nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong TKV, địa bàn hoạt động rộng, diện sản xuất phần lớn ở những vùng đồi núi cao, vùng sâu vùng xa, vì vậy rất khó khăn trong công tác đi lại, vận chuyển thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, nhất là vào những tháng mùa mưa, gây rất nhiều khó khăn cho đời sống và việc đi lại của người lao động. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất hiện nay là điều kiện thi công khoan thăm dò, vì phần lớn các phương án thăm dò đều thực hiện trong vùng đang sản xuất than, do việc nổ mìn trong khai thác nên làm ảnh hưởng lớn đến địa tầng khu vực thi công, hoặc phải khoan qua tầng bãi thải dày, bãi thải mới... vì vậy các lỗ khoan thường gặp phải những sự cố rất phức tạp như trượt tầng, sập lở, mất nước... nên năng suất giảm, chi phí sản xuất tăng để khắc phục những khó khăn trên.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

- Khối lượng được giao năm 2019 giảm nhiều so với kế hoạch, làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm của người lao động, theo kế hoạch của TKV giao, nguồn chi phí tập trung của Công ty năm 2019 là 51.384mk, nhưng hầu hết khối lượng trên thuộc các Đề án chưa được cấp phép (05 đề án/28.463mk) do đó chưa đủ điều kiện để thi công.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2019, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách cho Nhà nước và bảo toàn được vốn, cụ thể một số chỉ tiêu sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ (%)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)

I	Chỉ tiêu hiện vật				
	- Khoan thăm dò	m	65.200	60.722	93,1
	- Khảo sát trắc địa	ha	14.600	17.618,6	120,7
II	Chỉ tiêu giá trị				
1	Doanh thu tổng số	Tr.đồng	285.010	320.288	112,4
2	Lợi nhuận	Tr.đồng	4.500	6.014	133,6
3	Lao động, thu nhập				
-	Lao động bình quân	người	864	833	
-	ΣQTL thực hiện	Tr.đồng	84.368	89.916	106,6
-	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-thg	8.025	8.995	
-	Thu nhập tiền lương bình quân	1000đ/ng-thg		9.549	
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	19.168	20.029	

* Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

Năm 2019 tình hình SXKD chung của Công ty gặp nhiều khó khăn, thiếu việc làm đã tác động đến tâm lý, tư tưởng cán bộ đảng viên và người lao động. Trước những khó khăn khách quan Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban quản lý điều hành đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nắm dư luận, tâm tư nguyện vọng, kịp thời có những giải pháp, biện pháp ổn định tư tưởng; chỉ đạo chuyên môn và các tổ chức đoàn thể đề ra các giải pháp phù hợp và hiệu quả để quyết tâm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu SXKD và các mục tiêu nhiệm vụ chính trị năm 2019. Công ty đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt các chỉ tiêu, tạo môi trường SXKD ổn định trong doanh nghiệp góp phần cùng Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam phát triển hài hòa.

2. Tổ chức và nhân sự

a) *Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ %		Ghi chú
			Đại diện	Cá nhân	
1	Hà Minh Thọ	Giám đốc		0,086	Từ ngày 01/12/2018
2	Lê Văn Lân	P.Giám đốc		0,102	
3	Phạm Văn Ngôn	P.Giám đốc		0,166	
4	Nguyễn Bá Lượng	P.Giám đốc		0,104	
5	Nguyễn Thị Hồng Lan	KT trưởng		0,034	

b) *Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành:* Trong năm 2019, Công ty không có sự thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành.

c) **Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty:** Số cán bộ công nhân viên của Công ty bình quân năm 2019: 833 người.

d) Chính sách đối với người lao động

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/ năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/ năm; Duy trì hỗ trợ chi phí đi lại làm việc cho CBNV, chế độ tiền lương được cải thiện, bình quân đạt 8.995.000đồng/người/ tháng. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi không đúng nội quy, quy định của công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư lớn

Năm 2019, trên cơ sở kế hoạch HDQT thông qua, Công ty tiếp tục thực hiện bao gồm các dự án, công trình: Nhà Bia tường niệm: Đây là công trình được bổ sung vào dự án Bảo quản, tu bổ khu di tích lịch sử địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam; đã tập trung chỉ đạo thi công và hoàn thành vào tháng 11, là công trình chào mừng kỷ niệm ngày truyền thống vùng mỏ, truyền thống Ngành Than (12/11/2019). Ngoài ra, đầu tư thiết bị duy trì sản xuất, nâng cấp các phần mềm quản lý trong toàn Công ty. Năm 2019 thực hiện 13.406 triệu đồng/10.715 triệu đồng, đạt 125% KH.

Quá trình thực hiện công tác đầu tư và xây dựng tuân theo các qui định của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam. Ngay sau khi kế hoạch đầu tư năm 2019 được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thông báo, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các qui định hiện hành của Nhà Nước và Quy chế quản lý đầu tư của Công ty, các dự án, công trình sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đạt hiệu quả, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2019.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)

1	Tổng tài sản	285.140.273.057	308.863.740.248	83,12
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	315.924.740.231	318.082.375.402	81,45
4	Giá vốn hàng bán	265.191.836.892	276.433.989.870	81,30
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.732.903.339	41.648.385.532	82,26
6	Doanh thu hoạt động tài chính	5.676.866	6.794.318	69,86
7	Chi phí tài chính	4.114.940.582	3.231.994.171	74,07
8	Chi phí bán hàng	-	-	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.565.167.042	33.589.511.746	99,38
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.058.472.581	4.833.673.933	30,52
11	Thu nhập khác	322.431.815	2.161.490.477	111,02
12	Chi phí khác	731.205.049	981.517.918	80,75
13	Lợi nhuận khác	(408.773.234)	1.179.972.559	66,45
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.649.699.347	6.013.646.492	28,77
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	934.945.851	1.399.497.182	35,03
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.714.753.496	4.614.149.310	27,11
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	251	427	170,12

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,02	1,07	
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	0,99	1,01	
<i>(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,61	0,63	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,57	1,73	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	32,45	34,47	

<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,11	1,03	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DT Thuần	0,009	0,015	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0,024	0,041	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,010	0,015	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ DT Thuần	0,013	0,015	

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Thuế	21.996.141.353	19.335.987.723
-	Thuế giá trị gia tăng	15.115.163.799	15.170.935.423
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.296.104.688	1.380.788.410
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.768.701.639	1.399.497.182
-	Thuế thu nhập cá nhân	567.859.402	488.798.455
-	Thuế tài nguyên	25.326.770	25.322.280
-	Thuế đất và tiền thuê đất	2.218.985.055	862.645.973
-	Các loại thuế khác	4.000.000	8.000.000
2	Các loại phí và lệ phí	33.180.000	238.242.725
-	Phí bảo vệ môi trường	33.180.000	33.174.000
-	Các khoản khác		205.068.725
	Tổng cộng	22.029.321.353	19.574.230.448

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 10.800.000 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng tính đến thời điểm 31/12/2019: 18.600 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: (Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 31/5/2019)

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	Cơ cấu cổ đông	10.800.000	100%	1	988
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	9.351.800	86,59%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu	0	0%		

	quyết				
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	0	0%		
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	1.448.200	13,41%		988
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		
B	Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	9.351.800	86,59%	1	
2	Vốn nước ngoài	0	0%		

** Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 9.351.800 cổ phần, chiếm 86,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Không có

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (Trong năm 2019 không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu)

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2019 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Khoan thăm dò địa chất, do vậy nguyên vật liệu chủ yếu là xăng, dầu và ống chống, cần khoan.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Loại nhiên liệu	Khối lượng		Qui đổi TOE		Giá nhiên liệu		Sử dụng cho mục đích
Dầu DO	1.136.225	Lít	1.000	TOE	15.354	d/Lít	Nhiên liệu máy khoan, vận tải, máy xúc gạt, máy phát điện, do Karota
Xăng	48.543	Lít	40	TOE	18.072	d/Lít	Nhiên liệu vận tải, bơm nước, do Karota
Điện năng mua ngoài	387.705	kWh	60	TOE	2.958	d/kWh	Văn phòng, nhà xưởng
Tổng số TOE			1.100	TOE			

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Năm 2019, do điều kiện sản xuất đặc thù của Công ty, báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong năm không có.

6.3. Tiêu thụ nước, xử lý nước thải

a) Tiêu thụ: Công ty cổ phần Địa chất mỏ-TKV tiêu thụ các loại nước gồm:

- Nước máy dùng để vệ sinh tại khu văn phòng, điều hành, nấu ăn tại các bếp ăn tập thể; Năm 2019 sử dụng 8.052 m³, chi phí sử dụng là 176.902.000 đồng.

- Nước giếng khoan của Công ty tại khu Km5, XN Địa chất Đông Triều dùng để vệ sinh, tưới cây, phòng cháy chữa cháy, ...: 4.000 m³/năm.

- Nước khe suối tại Trung tâm Khoáng nóng Địa chất dùng để vệ sinh, tưới cây, phòng cháy chữa cháy, tắm tráng sau khi ngâm tắm khoáng nóng: 3.500 m³/năm.

- Nước khoáng nóng bơm từ giếng khoan lên phục vụ hoạt động ngâm tắm khoáng nóng: 10.950 m³/năm.

b) Xử lý nước thải:

Công ty hiện có 02 dạng nước thải gồm:

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động phân tích mẫu của phòng hóa nghiệm;

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động ngâm tắm khoáng nóng và từ các khu văn phòng điều hành, tập thể công nhân.

Toàn bộ nước thải đều được Công ty tự xử lý; tại mỗi khu vực điều hành sản xuất, Công ty xây dựng các hệ thống thu gom và các bể chứa, bể tự hoại lắng lọc và bể xử lý; Nước thải sau khi xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn cho phép được xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Tổng lượng nước thải đã xử lý trong năm khoảng 27.000 m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty: 833 người. Mức lương bình quân năm 2019: 8.995.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Duy trì hỗ trợ chi phí đi lại cho người lao động, tiền ăn ca đảm bảo số lượng, chất lượng dinh dưỡng cho CBCNV; Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Ngoài việc Công ty tự tổ chức huấn luyện an toàn định kỳ hàng năm cho người lao động, năm 2019 Công ty đã phối hợp với Trung tâm tư vấn pháp luật và huấn luyện an toàn Công đoàn Quảng Ninh mở các lớp huấn luyện an toàn định kỳ lần 1 cho người lao động đã có chứng chỉ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và cấp thẻ an toàn theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ cho người lao động nhóm 3 (công nhân khoan, cơ khí, trắc địa, hóa nghiệm, Địa vật lý, lái xe cầu, xe xúc và công nhân vận hành máy phát điện) với tổng số 487 người;

- Cử 10 cán bộ thuộc nhóm 1, 2, 5 tham dự các lớp huấn luyện an toàn do tập đoàn TKV tổ chức; phối hợp với Trường Cao đẳng nghề Than-Khoáng sản Việt Nam đào tạo cấp chứng chỉ kỹ năng nghề làm việc trong lò cho hơn 20 CBCNV.

- Chủ động phối hợp với các trường để mở các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV thuộc các phòng nghiệp vụ, kỹ thuật và lực lượng công nhân vận hành máy khoan địa chất...

Biểu tổng hợp chi tiết kết quả thực hiện công tác đào tạo năm 2019.

TT	Nội dung	Số lớp/Đợt	Số người	Ghi chú
1	Tuyển lao động đi đào tạo nghề	1	5	
2	Tập huấn, huấn luyện	8	114	
3	Đào tạo kiêm nghề, thêm nghề	2	30	
4	Tuyển lao động có trình độ		7	
5	Huấn luyện AT, giáo dục định hướng cho lao động mới	5	796	
6	Bố trí thực tập cho học sinh	4	24	

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2019, ngoài chi hỗ trợ thường xuyên cho 01 cá nhân bị nhiễm chất độc da cam, Công ty còn chi tặng quà cho các trường trên địa bàn, các tổ chức chính trị xã hội, các gia đình khó khăn nhân dịp lễ, tết...

Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện ăn, ở và làm việc cho công nhân vận hành khoan máy địa chất, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân trong Công ty. Đặc biệt đã rất nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm để nâng cao thu nhập cho người lao động, đồng thời có nhiều giải pháp để thu hút lao động yên tâm ở lại với Công ty; duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Qua bảng số liệu tại mục 1 phần II, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cho thấy chỉ tiêu khối lượng không đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên chỉ tiêu doanh thu và các chỉ tiêu còn lại đều đạt vượt mức kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt; cụ thể:

- Chỉ tiêu hiện vật: Khối lượng khoan thăm dò thực hiện 60.722mk/kế hoạch 65.200mk đạt 93,13%; Khảo sát trắc địa thực hiện 17.618,5ha/ kế hoạch 15.500ha đạt 113,7% so với kế hoạch điều chỉnh;

- Chỉ tiêu giá trị: Doanh thu thực hiện 318.082trđ/kế hoạch 285.010 trđ đạt 111,6%;

- Lợi nhuận thực hiện là 6.014 trđ/ kế hoạch 4.500 trđ đạt 113,6%

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	285.140.237.057	308.863.740.248
1.1	Tài sản ngắn hạn	161.786.404.231	191.075.328.403
1.2	Tài sản dài hạn	123.353.868.826	117.788.411.845
	Trong đó: TSCĐ HH	106.180.444.455	105.865.729.911
2	Doanh thu thuần	315.924.740.231	218.082.375.402
3	Lợi nhuận trước thuế	3.649.699.347	6.013.646.492
4	Lợi nhuận sau thuế	2.714.753.496	4.614.149.310

- Theo báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán lợi nhuận năm 2019 là: 6.013.646.492 đồng/kế hoạch 4.500.000.000 đồng, đạt 113,6%.

- Tài sản ngắn hạn là: 191.075.328.403 đồng, trong đó nợ phải thu là: 174.972.456.155 đồng.

- Tài sản dài hạn là: 117.788.411.845 đồng, trong đó TSCĐ hữu hình là: 105.865.729.911 đồng.

NG TSCĐHH đầu năm 2019 là: 350.925.306.333 đồng

NG TSCĐHH tăng trong năm 2019 là: 22.225.793.030 đồng gồm:

+ Do mua sắm trong kỳ: 7.298.282.287 đồng.

+ Do XDCB hoàn thành: 14.927.510.743 đồng.

NG TSCĐHH giảm trong năm 2019 là: 55.394.372.535 đồng

NG TSCĐHH cuối năm 2019: 317.756.726.828 đồng

Giá trị khấu hao và hao mòn trong năm 2019 là: 22.540.507.574 đồng

Giá trị hao mòn lũy kế là: 211.890.996.917 đồng

Giá trị còn lại của TSCĐHH là : 105.865.729.911 đồng.

Định kỳ hàng tháng, quý TSCD được trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Giá trị thực hiện đầu tư XDCB năm 2019 là 11.726 triệu đồng so kế hoạch điều chỉnh 13.406 triệu đồng bằng 87,47%, còn 2 hạng mục được chuyển tiếp sang năm 2020 thực hiện. Trong đó Công ty đã dùng toàn bộ nguồn khấu hao TSCD và nguồn vốn chủ để đầu tư, không vay tín dụng.

b) Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	(2)	(2)	(3=2/1)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	159.329.259.169	178.041.908.995	111,74
1	Vay và nợ ngắn hạn	65.558.704.547	64.884.137.150	98,97
2	Phải trả người bán	32.174.209.240	37.553.807.305	116,72
B	Nợ dài hạn		17.808.108.827	
1	Vay và nợ dài hạn		-	
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	174.025.946.445	195.850.017.822	112,54

- Công ty mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, thường xuyên phân loại các khoản nợ phải trả, phân loại tính chất nợ ngắn hạn, nợ dài hạn. Không để phát sinh nợ quá hạn thanh toán.

- Về vốn vay ngắn hạn 2019: Chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn là 64.884.137.150 đồng là khoản vay ngắn hạn, Công ty không còn dư nợ vay dài hạn.

+ Số dư vay ngắn hạn đầu năm 2019: 65.558.704.547

+ Tổng số vay trong năm 2019: 243.314.113.995

+ Số đã trả nợ trong năm 2019: 243.988.681.392

+ Số dư vay ngắn hạn đến cuối năm 2019: 64.884.137.150

- Về vốn vay dài hạn 2019: Trong năm Công ty không thực hiện hợp đồng vay dài hạn để đầu tư.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban Giám đốc chỉ đạo thường xuyên rà soát lại cơ cấu tổ chức của các đơn vị, phòng ban và định biên lao động hợp lý theo hướng tăng cường lực lượng lao động sản xuất chính, giảm lao động quản lý gián tiếp phòng ban, phục vụ phụ trợ từ Công ty đến Xí nghiệp; Cụ thể năm 2019 Công ty đã sắp xếp lại bộ máy theo Nghị quyết số 14/2018/NQ – HDQT ngày 19/3/2018 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV cụ thể: Hợp nhất phòng Kế hoạch tổng kê và phòng Đầu tư thành phòng Kế hoạch đầu tư; Hợp nhất phòng Kỹ thuật sản xuất và phòng An toàn - Môi trường thành phòng Kỹ thuật sản xuất - An toàn.

Trong năm, Công ty đã tiết giảm được 90 người so với thời điểm 01/01/2019 và những cán bộ về hưu không tuyển dụng thay thế. Do vậy, bước đầu về công tác

tiết giảm lao động đã cơ bản hoàn thành và việc cơ cấu lại lao động, tổ chức đã có hiệu quả, cần được duy trì, phát huy.

Công ty tổ chức thực hiện tốt các Quy định của Pháp luật về Bảo vệ Môi trường và các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng; Nhận thức trách nhiệm đối với công việc, về văn hoá doanh nghiệp trong mỗi cán bộ công nhân viên chức của Công ty được củng cố và nâng lên rõ rệt; Đời sống vật chất tinh thần và các giá trị phục vụ đối với công nhân viên chức được duy trì và cải thiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị- Xã hội để phát triển Công ty.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (Không).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường

- Chất lượng môi trường không khí:

+ Năm 2019 Công ty đã hợp đồng với đơn vị chức năng quan trắc 02 mẫu không khí tại Trung tâm khoáng nóng Địa chất. Kết quả cho thấy môi trường không khí, tiếng ồn trong các khu vực của Công ty luôn đảm bảo trong giới hạn cho phép, không phải xử lý.

- Chất lượng nước thải:

+ Các loại nước thải của Công ty thải ra từ các khu điều hành, hóa nghiệm, văn phòng, nhà ăn, từ khu ngâm tắm khoáng nóng của Trung tâm Khoáng nóng Địa chất được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép xả vào nguồn nước của khu vực, theo vị trí được phép xả thải.

+ Năm 2019 Công ty đã hợp đồng với đơn vị chức năng quan trắc phân tích 12 mẫu nước thải tại các khu vực: Trụ sở Văn phòng Công ty, Khu km5, Trung tâm Khoáng nóng Địa chất để phân tích. Kết quả 12/12 mẫu đều nằm trong giới hạn cho phép theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường hiện hành trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Công tác quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

+ Quản lý chất thải rắn thông thường: Rác thải phát sinh tại các khu văn phòng, điều hành được thu gom hàng ngày vào các xe, thùng chứa, tập kết tại các vị trí để xe Công ty Môi trường đô thị đến thu gom, vận chuyển đi xử lý. Số tiền chi cho việc thu gom xử lý rác thải sinh hoạt năm 2019 là gần 20 triệu đồng;

+ Quản lý chất thải nguy hại: Căn cứ sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp. Công ty đã ban hành quy định về thu gom, lập kho chứa; Hướng dẫn các đơn vị tổ chức thu gom đảm bảo quy định; Công ty ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- *Môi trường đất:* Theo các đề án BVMT, kế hoạch BVMT đã được xác nhận phê duyệt thì Công ty không phải lấy mẫu đất để phân tích đánh giá.

- *Mức độ phát thải các chất thải:* Không có.

Hàng năm Công ty đều lập báo cáo định kỳ gửi các cấp có thẩm quyền như: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh, Phòng Tài nguyên và Môi trường Cẩm Phả và Tập đoàn TKV.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đã tổ chức nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới, tin học hóa - tự động hóa vào sản xuất để tăng năng suất lao động, giảm sức lao động thủ công đối với người lao động để tăng thu nhập cho người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2019, Công ty đã chi hỗ trợ các quỹ bảo trợ người khuyết tật, đền ơn đáp nghĩa, xây nhà tình nghĩa, nạn nhân chất độc da cam, thương binh, quỹ an sinh thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh,... giá trị 30 triệu đồng. Chi phí thăm hỏi, ốm đau, thăm viếng: 69 triệu đồng. Tất cả những hoạt động đã có tác dụng động viên công nhân viên chức gắn bó xây dựng Công ty, đồng thời cũng gắn kết với cộng đồng dân cư trên địa bàn sâu sắc hơn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý, nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc tiêu chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.

Trong năm qua, Hội đồng Quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đồng thời tuyệt đối trung thành không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty: Trong thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn, đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản- an toàn lao động.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và Giám đốc

Công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho các phó Giám đốc, các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ đạo điều hành các phòng, ban, tổ, đội, Chi nhánh thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc đạt hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Xây dựng Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV trở thành một Công ty chuyên khoan thăm dò, khảo sát đứng hàng đầu trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

T T	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
				Đại diện	Sở hữu	
1	Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch	Không ĐH	86,59		Từ 01.01-:-31.12.2019
2	Phạm Tuấn Ninh	Thành viên	Không ĐH			Từ 01.01-:-31.12.2019
3	Hà Minh Thọ	Thành viên	Điều hành		0,13	Từ 01.01-:-31.12.2019
4	Lê Văn Lân	Thành viên	Điều hành		0,10	Từ 01.01-:-31.12.2019
5	Phạm Văn Ngôn	Thành viên	Điều hành		0,17	Từ 01.01-:-31.12.2019

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 01 (một) thành viên HĐQT không điều hành và 03 (ba) thành viên HĐQT điều hành (theo hình thức kiêm nhiệm). Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Hoàng Minh Hiếu đồng thời Chủ tịch Hội đồng quản trị của bốn đơn vị (Công ty cổ phần than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin; Công ty cổ phần than Cao Sơn – Vinacomin; Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại than Uông Bí; Công ty cổ phần Chế biến và Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị: Trong năm 2019 Hội đồng Quản trị Công ty không có sự thay đổi về nhân sự

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 18 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 17 Nghị quyết.

20 quyết định liên quan đến quy chế, cơ chế, công tác tổ chức cán bộ, quản trị chi phí, quản lý tiền lương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, Nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Phụ lục 01 kèm theo):

- Sửa đổi, bổ sung ban hành 07 Quy chế quản lý để làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (độc lập)

Trong năm 2019, ông Phạm Tuấn Ninh là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo hoạt động của hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ	
			Đại diện	Sở hữu (%)
1	Lê Thị Kim Dung	Trưởng Ban	0	0,06
2	Hoàng Kim An	Thành viên	0	0,06
3	Nguyễn Đức Luận	Thành viên	0	0,03

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng Cổ Đông Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV ngày 25/12/2015: Ban kiểm soát công ty được bầu gồm 03 người, 01 Trưởng ban chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm.

Trưởng ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm và hàng quý để thực hiện nhiệm vụ được giao. Cụ thể, trong năm 2019 đã thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ :

- Kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, chủ sở hữu, điều lệ công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ năm 2018; Báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng năm 2019; Báo cáo đại hội cổ đông thường niên năm 2019; các báo cáo tình hình kinh doanh và một số báo cáo khác của Công ty;

- Kiểm soát, giám sát các lĩnh vực quản lý tài chính công nợ, vật tư, đầu tư, sửa chữa lớn, công tác lao động tiền lương, tái cơ cấu...

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT; các cuộc họp sơ, tổng kết của Công ty để nắm bắt kịp thời các thông tin và giải quyết các công việc có liên quan đến nhiệm vụ của BKS.

- Thực hiện nộp các báo cáo định kỳ theo quy định về Tập đoàn đúng thời hạn và nội dung yêu cầu.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV tổ chức 05 cuộc họp để triển khai thực hiện kiểm soát hoạt động tại Công ty, bao gồm:

TT	Ngày tháng họp	Nội dung
1	25/2/2019	- Thông qua biên bản kiểm soát năm 2019 và đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019. - Triển khai kế hoạch kiểm soát Quý II/2019.
2	15/3/2019	- Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2019 để trình đề xuất Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty thông qua.
3	25/4/2019	- Thảo luận, thông qua biên bản kiểm soát hoạt động SXKD Quý I/2019 của Chi nhánh XN Địa chất Đông Triều và Công ty; - Triển khai nhiệm vụ kiểm soát Quý III/2019.
4	26/7/2019	- Thảo luận, thông qua biên bản kiểm soát hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty và Chi nhánh XN Địa chất Đông Triều; - Triển khai nhiệm vụ kiểm soát Quý IV/2019.
5	27/11/2019	- Thảo luận, thông qua biên bản kiểm soát hoạt động SXKD 9 tháng năm 2019 của Công ty và Chi nhánh XN Địa chất Đông Triều - Điều chỉnh phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

* *Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 với tổng số tiền là: 504.235.000đồng.

* *Lương, thưởng của ban Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách:* Ban giám đốc Công ty có 05 thành viên; 01 Trưởng ban kiểm soát chuyên trách (từ ngày 01/01/2019 đến 30/10/2019). Trong năm 2019, Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát với tổng số tiền là: 2.048.520.000 đồng (Hai tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)

* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2019 như sau:

T T	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập tiền lương năm 2019 (đ)	Thu nhập từ thù lao năm 2019 (đ)	Tổng số
A	B	C	1	2	3=1+2
1	Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch HĐQT		81.579.600	81.579.600
2	Phạm Tuấn Ninh	TV. HĐQT		69.505.200	69.505.200
3	Lê Thị Kim Dung	TB. Kiểm soát	296.184.000	11.816.400	308.000.400
4	Hoàng Kim An	TV. BKS		66.409.200	66.409.200
5	Nguyễn Đức Luận	TV. BKS		66.409.200	66.409.200
6	Hà Minh Thọ	TV. HĐQT - GD	392.418.000	69.505.200	461.923.200
7	Lê Văn Lân	TV. HĐQT - PGD	347.526.000	69.505.200	417.031.200
8	Phạm Văn Ngôn	TV. HĐQT - PGD	347.526.000	69.505.200	417.031.200
9	Nguyễn Bá Lượng	P. Giám đốc	347.526.000		347.526.000
10	Nguyễn Thị Hồng Lan	Kế toán trưởng	317.340.000		317.340.000
	Tổng cộng		2.048.520.000	504.235.200	2.552.755.200

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Không có)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Trong năm 2019 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 10/2020/BCKT- PKF.VPC ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam.

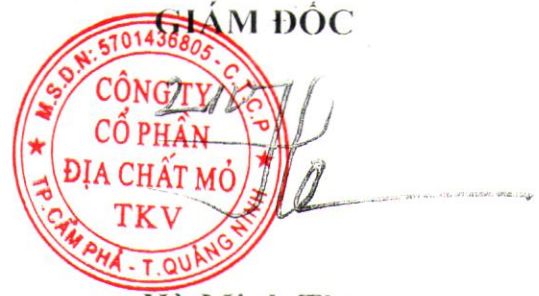
“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV, được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: www.minegeolog.com.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN, TT LKCKVN (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT (5)



Hà Minh Thọ

Phụ lục 01: Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2019

TT	Số, ký hiệu VB	Ngày tháng	Nội dung
1	Số: 01/2019/NQ-HĐQT	05/01/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Về việc thông qua điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2018. - Về việc thông qua kế hoạch SXKD năm 2019. - Về việc thông qua kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2019.
2	Số: 02/2019/NQ-HĐQT	28/01/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2019 - Thông qua Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty CP Địa chất mỏ - TKV kể từ ngày 01/01/2019.
3	Số: 03/2019/NQ-HĐQT	18/02/2019	<p>Thông nhất thông qua chuyển xếp lương cho Ban QLDH, Trưởng ban Kiểm soát theo nội dung tờ trình số 168/TTr-ĐCM ngày 14/02/2019 của Giám đốc Công ty.</p>
4	Số: 04/2019/NQ-HĐQT	07/3/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Về việc thông qua 1 số chỉ tiêu kết quả SXKD 2 tháng năm 2019 và dự kiến kế hoạch SXKD quý I/2019. - Thông qua kế hoạch điều hành về SXKD năm 2019. - Về việc tạm thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018. - Về việc thông qua Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng Công ty. - Về việc thông qua Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty. - Phê duyệt QTL thực hiện năm 2018 - Tạm chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty. - Về việc thông qua quyết toán thù lao năm 2018 và chi trả thù lao 2019 cho Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký HĐQT Công ty.
5	Số: 390/2019/NQ-ĐHĐCĐ	12/4/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD năm 2018; Kế hoạch SXKD năm 2019; - Thông qua Báo cáo tài chính Công ty năm 2018 do Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán; - Thông qua kết quả chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty năm 2018 và kế hoạch chi trả năm 2019; - Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2018; - Thông qua kết quả thay đổi nhân sự trong HĐQT Công ty giữa nhiệm kỳ 2016-2021; - Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT; Báo cáo của

			<p>Ban Kiểm soát về đánh giá công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán BCTC năm 2019 của Công ty. Giao cho Giám đốc Công ty tổ chức thương thảo và ký hợp đồng theo quy định của Nhà nước; - Thông qua chủ trương việc ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (BBC) để tiếp tục đầu tư dự án Khu nghỉ dưỡng Đập nước đá chồng (địa chỉ: km4, Cẩm Thạch - TP. Cẩm Phả - QN); - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty CP Địa chất mỏ - TKV thực hiện một số nội dung...
6	Số: 05/2019/NQ-HĐQT	07/5/2019	- Thống nhất thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền năm 2018.
7	Số: 06/2019/NQ-HĐQT	27/6/2019	- Thống nhất thông qua Quy chế quản lý lao động và tiền lương của Công ty CP Địa chất mỏ - TKV như theo nội dung Quy chế kèm theo tờ trình số 653/TTr-ĐCM ngày 25/6/2019 của Giám đốc.
8	Số: 07/2019/NQ-HĐQT	16/7/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Về việc thông qua thanh, xử lý TSCĐ của Công ty; - Về việc thông qua Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của Công ty.
9	Số: 08/2019/NQ-HĐQT	01/8/2019	- Thống nhất thông qua Quy chế thực hiện dân chủ trong Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV như theo nội dung Quy chế kèm theo tờ trình số 754/TTr-ĐCM ngày 23/7/2019 của Giám đốc Công ty.
10	Số: 09/2019/NQ-HĐQT	08/8/2019	- Thông qua nội dung hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.
11	Số: 10/2019/NQ-HĐQT	05/9/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi chức năng, nhiệm vụ tham mưu giữa các phòng giúp việc; - Thay đổi Người phụ trách Quản trị Công ty; - Thay đổi thực hiện nhiệm vụ Giám đốc Xí nghiệp Địa chất Đông Triều; - Thông qua chủ trương đề Giám đốc giao nhiệm vụ cho ông Phạm Thế Anh - Phó trưởng phòng Địa chất Công ty phụ trách phòng Địa chất Công ty; - Thông qua chủ trương đề Giám đốc xem xét, lựa chọn nhân sự có trình độ chuyên môn để bổ nhiệm thêm 01 Phó trưởng phòng Hóa nghiệm phụ trách Công tác kỹ thuật phân tích mẫu cơ lý đất, đá.
12	Số: 11/2019/NQ-HĐQT	16/9/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chi trả thù lao cho Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký HĐQT Công ty; - Thông qua bổ sung 1 số nội dung trong Quy chế Quản

			lý lao động và Tiền lương của Công ty.
13	Số: 12/2019/NQ-HĐQT	26/9/2019	- Thống nhất thông qua Quỹ tiền lương Người Quản lý và Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát Công ty 6 tháng cuối năm 2019.
14	Số: 13/2019/NQ-HĐQT	07/10/2019	Thống nhất thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 điều chỉnh.
15	Số: 14/2019/NQ-HĐQT	09/10/2019	Thống nhất thông qua điều chỉnh Dự án Khu nghỉ dưỡng Đập nước Đá chông như theo tờ trình số 1072/TTr-ĐCM ngày 07/10/2019 của Giám đốc.
16	Số: 15/2019/NQ-HĐQT	31/10/2019	Thống nhất thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động công tác thanh tra của Công ty.
17	Số: 16/2019/NQ-HĐQT	18/11/2019	Thống nhất thông qua 1 số nội dung sau: - Chi trả thù lao cho Trưởng ban Kiểm soát không chuyên trách; - Về việc công tác cán bộ; - Về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo Công ty.
18	Số: 17/2019/NQ-HĐQT	11/12/2019	Thống nhất thông qua một số nội dung sau: - Chủ trương hợp tác sử dụng nguồn nước khoáng nóng tại lỗ khoan LK28B- Trung tâm Khoáng nóng địa chất; - Chủ trương lập Dự án khai thác nước khoáng nóng tại lỗ khoan LK28B tại Trung tâm khoáng nóng địa chất; - Về việc thuê ngoài công tác khoan thăm dò; - Về việc thông qua Quy chế cán bộ của Công ty; - Về việc công tác cán bộ.
19	Số: 175/QĐ-ĐCM	28/01/2019	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2019 của Công ty CP Địa chất mỏ - TKV.
20	Số: 176/QĐ-ĐCM	28/01/2019	Về việc ban hành Hệ thống thang lương, Bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV.
21	Số: 268/QĐ-ĐCM	18/02/2019	Về việc chuyển xếp lương cho Người quản lý Công ty từ thang lương, bảng lương tại QĐ số 308/QĐ-ĐCM ngày 27/02/2018 sang thang lương, bảng lương mới của Công ty tại thời điểm 01/01/2019.
22	Số: 392/QĐ-ĐCM	08/03/2019	Về việc ban hành Quy chế quản lý Đầu tư xây dựng Công ty CP Địa chất mỏ - TKV.
23	Số: 393/QĐ-ĐCM	08/03/2019	Về việc ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty CP Địa chất mỏ - TKV.
24	Số: 463/QĐ-ĐCM	21/3/2019	Về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và tổ công tác xây dựng đề án tái cơ cấu Công ty CP Địa chất mỏ - TKV giai đoạn 2019-2020.
25	Số: 465/QĐ-ĐCM	21/3/2019	Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của Công ty CP Địa chất mỏ - TKV.

26	Số: 473/QĐ-ĐCM	22/3/2019	Về việc thông qua kế hoạch điều hành SXKD năm 2019 của Công ty CP Địa chất mỏ - TKV.
27	Số: 631/QĐ-ĐCM	16/4/2019	- Quyết định về việc hợp nhất phòng Đầu tư và phòng Kế hoạch thống kê.
28	Số: 632/QĐ-ĐCM	16/4/2019	- Quyết định về việc hợp nhất phòng An toàn - môi trường và phòng Kỹ thuật sản xuất.
29	Số: 827/QĐ-ĐCM	23/5/2019	- Quyết định kiện toàn Hội đồng thanh, xử lý Tài sản cố định.
30	Số: 998/QĐ-ĐCM	27/6/2019	- Quyết định về việc ban hành Quy chế Quản lý lao động và tiền lương của Công ty CP Địa chất mỏ - TKV.
31	Số: 1160/QĐ-ĐCM	31/7/2019	- Quyết định về việc ban hành Quy chế Quản lý quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
32	Số: 1215/QĐ-ĐCM	08/8/2019	- Quyết định về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
33	Số: 1379/QĐ-ĐCM	06/9/2019	- Quyết định về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
34	Số: 1436/QĐ-ĐCM	18/9/2019	- Quyết định về việc bổ sung khoản 4 Điều 38 Quy chế Quản lý lao động và tiền lương của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
35	Số: 1692/QĐ-ĐCM	08/11/2019	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng thanh, xử lý tài sản cố định.
36	Số: 1740/QĐ-ĐCM	19/11/2019	Quyết định về việc Phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ quản lý giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2020-2025 (sau rà soát, bổ sung) của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
37	Số: 1758/QĐ-ĐCM	21/11/2019	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động công tác thanh tra trong Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
38	Số: 1899/QĐ-ĐCM	20/12/2019	Quyết định về việc ban hành Quy chế Quản lý cán bộ của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.